

## **1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác – Lenin**

Nhìn chung, có ba nguồn gốc ra đời của triết học là điều kiện kinh tế - xã hội, tiền đề lý luận và tiền đề khoa học tự nhiên. Đối với triết học Mác thì nguồn gốc ra đời biểu hiện thành các điều kiện sau:

### **1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội**

#### **1.1.1. Sự củng cố và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong điều kiện cách mạng công nghiệp**

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX do tác động của cuộc cách mạng trong công nghiệp làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được củng cố vững chắc và trở thành xu thế phát triển của nền sản xuất xã hội. Nước Anh đã hoàn thành cuộc cách mạng công nghiệp và trở thành cường quốc công nghiệp. Ở Pháp, cuộc cách mạng công nghiệp đang đi vào giai đoạn hoàn thành.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất làm cho quan hệ sản xuất tư bản được củng cố tạo ra cơ sở kinh tế để cho xã hội tư bản phát triển kèm theo đó mâu thuẫn xã hội càng thêm gay gắt và bộc lộ ngày càng rõ rệt; sự phân hóa giàu nghèo tăng lên, bất công xã hội tăng. Những xung đột giữa giai cấp vô sản với tư sản đã phát triển thành những cuộc đấu tranh giai cấp.

#### **1.1.2. Sự xuất hiện của giai cấp vô sản trên vũ đài lịch sử**

Giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ra đời và lớn lên cùng với sự hình thành và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Khi chế độ tư bản chủ nghĩa được xác lập, giai cấp tư sản trở thành giai cấp thống trị xã hội, giai cấp vô sản trở thành bị trị thì mâu thuẫn giữa vô sản với tư sản vốn mang tính đối kháng phát triển trở thành những cuộc đấu tranh giai cấp. Cuộc khởi nghĩa của thợ dệt ở thành phố Liông (Pháp) năm 1831 tuy bị đàn áp nhưng lại bùng nổ tiếp vào năm 1834. Ở Anh có phong trào Hiến chương vào cuối những năm 30 của thế kỷ XIX, là phong trào cách mạng to lớn có tính chất quần chúng và có hình thức chính trị. Nước Đức nổi lên phong trào đấu tranh của thợ dệt ở Xilêdi đã mang tính giai cấp.

Trong hoàn cảnh lịch sử đó, giai cấp tư sản không còn đóng vai trò

là giai cấp cách mạng. Ở Anh, Pháp giai cấp tư sản tuy nắm quyền thống trị, lại hoảng sợ trước cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nên không còn là vị trí tiên phong trong quá trình cải tạo dân chủ như trước. Còn giai cấp tư sản Đức đang lớn lên trong lòng xã hội phong kiến, vốn đã khiếp sợ bạo lực cách mạng khi nhìn vào tấm gương Cách mạng tư sản Pháp 1789, nay lại thêm sợ hãi trước sự phát triển của phong trào công nhân Đức. Vì vậy, giai cấp vô sản xuất hiện trên vũ đài lịch sử với sứ mệnh xoá bỏ xã hội tư bản và trở thành lực lượng tiên phong trong cuộc đấu tranh cho nền dân chủ và tiến bộ xã hội.

Như vậy, thực tiễn xã hội, nhất là thực tiễn của phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản đòi hỏi phải được soi sáng bởi một hệ thống lý luận, một học thuyết triết học mới. Học thuyết đó phải xuất hiện để định hướng phong trào đấu tranh nhanh chóng đạt được thắng lợi.

Sự xuất hiện của giai cấp vô sản trên vũ đài lịch sử và phong trào đấu tranh của họ đã tạo ra nguồn tư liệu quý báu về thực tiễn xã hội để Các Mác và Ph. Ăngghen xây dựng nên chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nó trở thành thế giới quan và phương pháp luận cách mạng của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Nước Đức trở thành quê hương của chủ nghĩa Mác.

### **1.2. Tiền đề lý luận**

Để xây dựng học thuyết của mình ngang tầm với trí tuệ nhân loại, Các Mác và Ph. Ăngghen đã kế thừa những thành tựu trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Triết học Đức với hai nhà triết học tiêu biểu Hêghen và Phoiơbắc là nguồn gốc trực tiếp của triết học Mác.

Các Mác và Ph. Ăngghen đã từng là những người theo học triết học Hêghen và nghiên cứu triết học Phoiơbắc. Qua đó, hai ông đã nhận thấy: Tuy học thuyết triết học của Hêghen mang quan điểm của chủ nghĩa duy tâm nhưng chứa đựng cái "hạt nhân hợp lý" của phép biện chứng. Còn học thuyết triết học Phoiơbắc tuy còn mang nặng quan niệm siêu hình nhưng nội dung lại thấm nhuần quan điểm duy vật. Các Mác và Ph. Ăngghen đã kế thừa "hạt nhân hợp lý" của Hêghen và cải tạo, lột bỏ cái vỏ thần bí để xây dựng nên lý luận mới

của phép biện chứng. Hai ông đã kế thừa chủ nghĩa duy vật của Phoiơbắc, khắc phục tính siêu hình và những hạn chế lịch sử khác của nó để xây dựng nên lý luận mới của chủ nghĩa duy vật. Từ đó tạo ra cơ sở để hai ông xây dựng nên học thuyết triết học mới, trong đó chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng thống nhất một cách hữu cơ.

Việc kế thừa và cải tạo kinh tế chính trị học với những đại biểu xuất sắc là A.Smít và Đ.Ricácđô không những là nguồn gốc để xây dựng học thuyết kinh tế mà còn là tiền đề lý luận để hình thành quan điểm triết học.

Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp với những đại biểu nổi tiếng như Xanh Ximông và S.Phuriê là một trong ba nguồn gốc lý luận của triết học Mác. Các Mác và Ph.Ăng ghen đã kế thừa những quan điểm tiến bộ của chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp (quan điểm về vai trò của nền sản xuất trong xã hội, quan điểm về sở hữu v.v...) và khắc phục tính không tưởng thiếu điều kiện lịch sử cụ thể của nó để xây dựng những quan điểm duy vật lịch sử.

Vì vậy, khi tìm hiểu nguồn gốc lý luận của triết học Mác cần tìm hiểu không chỉ trong triết học Đức mà trong cả chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp và kinh tế chính trị học Anh.

### **1.3. Tiền đề khoa học tự nhiên**

Giữa triết học với khoa học nói chung và khoa học tự nhiên nói riêng có mối quan hệ khăng khít. Sự phát triển của tư duy triết học phải dựa trên cơ sở tri thức do các khoa học cụ thể đem lại. Vì thế, mỗi khi trong khoa học có những phát minh mang tính chất vạch thời đại thì tạo ra sự thay đổi của triết học.

Trong những năm đầu của thế kỷ XIX, khoa học tự nhiên phát triển mạnh với nhiều phát minh quan trọng: Định luật bảo toàn biến hóa năng lượng; Thuyết tế bào; Thuyết tiến hóa. Những phát minh khoa học đó đã vạch ra mối liên hệ thống nhất giữa những sự vật, giữa các hình thức vận động khác nhau trong tính thống nhất vật chất của thế giới, vạch ra tính biện chứng của sự vận động và phát triển. Đồng thời đã làm bộc lộ rõ tính hạn chế và sự bất lực của phương pháp tư duy siêu hình và của tư tưởng biện chứng cổ đại cũng như

phép biện chứng của Hêghen. Từ đó đặt ra một yêu cầu trong tư duy nhân loại cần phải xây dựng một phương pháp tư duy mới thật sự khoa học. Với những phát minh của mình, khoa học đã cung cấp những tri thức để Các Mác và Ph.Ăng ghen khái quát xây dựng phép biện chứng duy vật.

Tóm lại, khi sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, triết học Mác đã góp phần vạch ra những qui luật vận động chung nhất của giới tự nhiên, xã hội và tư duy con người. Nhờ khắc phục được những thiếu sót cơ bản của triết học duy vật cũ mà triết học Mác đã trang bị cho giai cấp vô sản và quần chúng lao động công cụ khoa học để nhận thức và cải tạo thế giới.

Sự xuất hiện triết học Mác là bước chuyển cách mạng trong lịch sử triết học, nó không phải là một sản phẩm ngẫu nhiên mà là một hiện tượng hợp qui luật. Triết học Mác là kết quả nảy sinh tất yếu từ những tiền đề kinh tế - xã hội, từ sự kế thừa có chọn lọc những di sản văn hóa và khoa học của nhân loại, từ kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản. Triết học Mác thực sự là thế giới quan khoa học, là phương pháp luận cách mạng của giai cấp vô sản.

## **2. Quá trình hình thành và phát triển triết học Mác – Lênin**

Sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin trải qua một quá trình. Quá trình trải qua các giai đoạn sau: Giai đoạn chuyển biến tư tưởng của Các Mác và Ph.Ăng ghen từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và cộng sản chủ nghĩa; giai đoạn hình thành những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; giai đoạn C.Mác và Ph.Ăng ghen bổ sung và phát triển lý luận triết học; giai đoạn Lênin bảo vệ hoàn thiện và tiếp tục phát triển triết học Mác.

### **2.1. Giai đoạn chuyển biến tư tưởng của Các Mác và Ph.Ăng ghen từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và cộng sản chủ nghĩa**

#### **2.1.1. Sự chuyển biến tư tưởng của Các Mác**

Các Mác (5/5/1818 - 14/3/1883) sinh trưởng trong một gia đình trí thức (bố là luật sư) ở thành phố Tơrevơ, tỉnh Ranh, một vùng có

nhiều ảnh hưởng của cách mạng tư sản Pháp và đạo Kitô là tôn giáo độc tôn.

Những ảnh hưởng tốt của giáo dục gia đình, nhà trường và các quan hệ xã hội khác đã giúp Các Mác hình thành tinh thần nhân đạo và xu hướng yêu tự do. Phẩm chất đó không ngừng được bồi dưỡng và đã trở thành định hướng cho cuộc đời sinh viên và đưa Các Mác tới chủ nghĩa dân chủ cách mạng. Cũng vì thế, trong tình hình lúc đó, triết học Hêghen với tinh thần biện chứng cách mạng của nó được Các Mác xem là chân lý. Trong thời gian học ở khoa Luật trường Đại học Tổng hợp Béc lin (1836 - 1841) ông say mê nghiên cứu triết học, nhằm giải đáp vấn đề giải phóng con người, thực hiện dân chủ, vươn tới tự do. Năm 1837 Các Mác tập trung nghiên cứu triết học Hêghen và tham gia nhóm "Hêghen trẻ".

Sau khi nhận bằng tiến sỹ triết học (8/1841), Các Mác chuẩn bị vào giảng dạy triết học ở trường đại học và dự định xuất bản một tạp chí với tên gọi "Tư liệu của chủ nghĩa vô thần". Nhưng dự định đó không được thực hiện vì nhà nước phong kiến Phổ thực hiện chính sách đàn áp những người dân chủ cách mạng. Ông và một số người theo phái "Hêghen trẻ" đã chuyển sang hoạt động chính trị đấu tranh chống lại chủ nghĩa chuyên chế Phổ giành lại quyền tự do dân chủ; đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong tư tưởng của ông. Như vậy lúc này, trong tư tưởng của Các Mác có sự mâu thuẫn giữa thế giới quan duy tâm với tinh thần dân chủ cách mạng và vô thần. Mâu thuẫn bước đầu được giải quyết khi Các Mác làm việc ở báo Sông Ranh, ở đây lúc đầu là cộng tác viên sau trở thành linh hồn của tờ báo và ông đã làm cho nó trở thành cơ quan ngôn luận của phái dân chủ cách mạng.

Thực tiễn đấu tranh báo chí đã làm cho tư tưởng dân chủ cách mạng ở Các Mác có nội dung rõ ràng hơn, đó là đấu tranh cho lợi ích của quần chúng lao động. Lúc này tư tưởng cộng sản chủ nghĩa chưa được hình thành, ông đấu tranh bảo vệ "quần chúng nghèo khổ bất hạnh" dưới tinh thần nhân đạo. Với tinh thần nhân đạo, ông tập trung phê phán các chính sách của nhà nước Phổ, nhà nước đó chỉ là "cơ quan đại diện đẳng cấp của những lợi ích cá nhân". Trong quá trình phê phán đó Các Mác đã nhận thấy hoạt động của nhà nước không phải là hiện thân của tinh thần tuyệt đối như Hêghen đã chứng minh.

Như vậy, qua thực tiễn, nguyện vọng muốn cắt nghĩa hiện thực, xác lập lý tưởng tự do trong thực tế đã giúp Các Mác hình thành khuynh hướng duy vật, nhận thấy mặt hạn chế của quan điểm duy tâm. Lúc này tinh thần dân chủ cách mạng sâu sắc đã không dung hợp với triết học duy tâm tư biện. Vì thế sau khi báo Sông Ranh bị cấm (1843), Các Mác đặt cho mình nhiệm vụ duyệt lại một cách có phê phán quan niệm duy tâm của Hêghen trước hết về xã hội và nhà nước. Ông đã viết tác phẩm "góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen" để phê phán chủ nghĩa duy tâm của Hêghen. Trong khi thực hiện phê phán ông nồng nhiệt tiếp nhận quan điểm duy vật của triết học Phoiơbắc. Song với tinh thần phê phán ông đã thấy những mặt hạn chế, nhất là việc xa rời những vấn đề chính trị nóng hổi của Phoiơbắc. Sự phê phán sâu rộng triết học Hêghen, việc khái quát kinh nghiệm lịch sử cùng với ảnh hưởng quan điểm duy vật và nhân văn của triết học Phoiơbắc đã tăng cường mạnh mẽ xu hướng duy vật trong quan điểm triết học của Các Mác.

Cuối tháng 10 - 1843, Các Mác sang Pari. Ở đây, không khí chính trị sôi sục và tiếp xúc với các đại biểu của giai cấp vô sản đã dẫn đến bước chuyển biến dứt khoát quan điểm của ông sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản. Trong bài báo "lời nói đầu của cuốn sách góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen", Các Mác đã phân tích một cách sâu sắc theo quan điểm duy vật ý nghĩa và hạn chế của cuộc cách mạng tư sản chỉ là "cuộc cách mạng bộ phận"; đồng thời ông khẳng định, chỉ có cuộc cách mạng do giai cấp vô sản thực hiện mới là "cuộc cách mạng triệt để". Các Mác nêu rõ: "Giống như triết học thấy giai cấp vô sản là vũ khí vật chất của mình, giai cấp vô sản cũng thấy triết học là vũ khí tinh thần của mình". Với bài báo này và một số bài báo khác đăng trong tạp chí Niên giám Đức - Pháp năm 1844 đánh dấu bước hoàn thành quá trình chuyển biến lập trường, quan điểm của Các Mác.

### **2.1.2. Sự chuyển biến tư tưởng của Ph.Ăngghen**

Ph.Ăngghen sinh ngày 28-11-1820, trong một gia đình chủ xưởng sợi ở tỉnh Ranh. Khi còn là học sinh trung học đã có thái độ căm ghét sự chuyên quyền và độc đoán của bọn quan lại phong kiến. Việc nghiên cứu triết học trong thời gian ở Béc lin, khi làm nghĩa vụ quân sự đã hướng ông đi vào con đường khoa học. Song, chỉ thời

gian gần hai năm sống ở Manchestơ (Anh) từ mùa thu 1842 khi nghiên cứu đời sống kinh tế và chính trị nước Anh, nhất là việc trực tiếp tham gia phong trào công nhân mới dẫn đến bước chuyển căn bản trong thế giới quan của ông sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản.

Năm 1844 trên tạp chí Niên giám Đức - Pháp, Ph.Ăngghen đăng một số bài báo: "Bản thảo góp phần phê phán kinh tế - chính trị học", "Tình cảnh giai cấp công nhân Anh".

Các tác phẩm đó cho thấy ở Ăngghen, quá trình chuyển từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa cộng sản đã hoàn thành. Quá trình này diễn ra độc lập với Các Mác. Trong các bài báo này, ông đã đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa cộng sản để phê phán kinh tế chính trị học của A.Smit và Đ.Ricacdo.

## **2.2. Giai đoạn hình thành những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử**

Sự nhất trí về quan điểm và lập trường đã dẫn đến tình bạn vĩ đại giữa Các Mác và Ph.Ăngghen, gắn liền tên tuổi của hai ông với sự ra đời và phát triển một thế giới quan cách mạng của giai cấp vô sản.

Thời gian từ năm 1844 đến năm 1848 là quá trình hai ông từng bước xây dựng những nguyên lý triết học của mình. Năm 1844 qua tác phẩm "Bản thảo kinh tế - triết học" Các Mác tiếp tục phê phán triết học duy tâm của Hêghen, đồng thời cũng vạch ra mặt tích cực của nó là phép biện chứng. Các Mác thông qua phân tích sự tha hóa của lao động đã cắt nghĩa: Sở hữu tư nhân trong xã hội tư bản trở thành nguyên nhân của sự tha hóa của lao động và của con người, biến sức lao động trở thành hàng hóa. Các Mác chỉ rõ: Muốn khắc phục sự tha hóa ấy phải xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân. Việc giải phóng người công nhân khỏi sự tha hóa là sự giải phóng con người nói chung.

Trong tác phẩm này Các Mác đã luận chứng cho tính tất yếu của chủ nghĩa cộng sản trong sự phát triển của xã hội. Mặc dù luận chứng này chưa chín muồi về mặt lý luận, song đã cho phép phân biệt quan niệm của Các Mác về chủ nghĩa cộng sản với những quan

niệm của chủ nghĩa bình quân vốn có của các môn phái chủ nghĩa cộng sản không tưởng. Theo Các Mác, chủ nghĩa cộng sản dựa trên sự phát triển cao của nền sản xuất xã hội là nấc thang lịch sử cao hơn chủ nghĩa tư bản.

Trong tác phẩm "Gia đình thần thánh" do Các Mác và Ph. Ăngghen viết chung năm 1845 đã nêu rõ sự phê phán của hai ông đối với "phái Hêghen trẻ" đứng đầu là anh em nhà Bauơ về quan điểm lịch sử. Hai ông đã trình bày một số nguyên lý cơ bản của triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử như: Quan điểm về vai trò của sản xuất vật chất đối với xã hội, v.v.

Năm 1845 - 1846, Các Mác và Ph. Ăngghen viết chung tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức". Thông qua việc phê phán các trào lưu triết học đương thời ở nước Đức hai ông đã trình bày quan niệm duy vật lịch sử một cách hệ thống. Nội dung của tác phẩm đã trình bày rõ những quan điểm với tư cách là luận điểm xuất phát như: "Tiền đề đầu tiên của toàn bộ lịch sử nhân loại dĩ nhiên là sự tồn tại của những cá nhân con người sống, đó là những con người hiện thực mà sản xuất vật chất là hành vi lịch sử đầu tiên của họ" và quan điểm: "Quan điểm duy vật lịch sử khi xem xét lịch sử xã hội phải xuất phát từ con người". Trong tác phẩm này cũng đã trình bày rõ hệ thống quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người.

Trong thời gian này Các Mác viết tác phẩm: "Luận cương về Phoiơbắc" (8/1845) nêu rõ quan điểm xuyên suốt đó là: vai trò quyết định của thực tiễn đối với đời sống xã hội. Đồng thời cũng đưa ra quan điểm về bản chất của con người: "Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa của các quan hệ xã hội".

Với tác phẩm "Luận cương về Phoiơbắc" và nhất là tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" quan niệm duy vật lịch sử đã hình thành. Quan niệm đó tạo cơ sở lý luận khoa học vững chắc cho sự phát triển tư tưởng cộng sản chủ nghĩa. Tuy vậy trong hệ tư tưởng Đức, học thuyết về chủ nghĩa cộng sản được hai ông trình bày như là một hệ quả trực tiếp của quan niệm duy vật lịch sử cho nên chủ nghĩa cộng sản chưa được diễn đạt thành luận điểm cụ thể. Song, một điều quan trọng là Các Mác và Ăngghen đã xây dựng phương pháp tiếp cận khoa học để nhận thức chủ nghĩa cộng sản.



Năm 1847, Các Mác viết tác phẩm: "Sự khốn cùng của triết học". Ở đây ông trình bày tiếp các nguyên lý của triết học, chủ nghĩa cộng sản khoa học và trình bày các luận điểm để viết tác phẩm tư bản.

Năm 1848, Các Mác và Ph.Ăngghen viết tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa Mác, của phong trào cộng sản thế giới. Trong đó trình bày một cách triệt để thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Với tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, triết học Mác và chủ nghĩa Mác nói chung đã hình thành và sẽ được Các Mác và Ph.Ăngghen tiếp tục bổ sung phát triển trong thời gian sau.

### **2.3. Giai đoạn Các Mác và Ph.Ăngghen bổ sung và phát triển lý luận triết học**

Từ sau "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", học thuyết triết học Mác tiếp tục được phát triển trong sự gắn bó hơn nữa với thực tiễn cách mạng vô sản mà hai ông là lãnh tụ. Bằng hoạt động của mình, hai ông đã đưa phong trào cách mạng của giai cấp vô sản từ tự phát thành phong trào tự giác; chính qua đó, học thuyết triết học của hai ông không ngừng được phát triển.

Các Mác đã tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của phong trào đấu tranh cách mạng để khái quát tìm ra những kết luận, qua đó bổ sung và phát triển lý luận. Điều đó được biểu hiện qua nội dung của một số tác phẩm như: "Đấu tranh giai cấp ở Pháp", "Nội chiến ở Pháp", "Phê phán cương lĩnh Gôta". Đặc biệt qua bộ Tư bản, ông đã trình bày những tất yếu phát triển của nền sản xuất xã hội, lịch sử thay thế các hình thái kinh tế xã hội v.v.

Trong khi đó, Ăngghen đã khái quát các thành tựu khoa học để viết các tác phẩm như: "Chống Đuyrinh", "Biện chứng của tự nhiên", "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước" v.v.. Trong các tác phẩm đó, ngoài việc phê phán các quan điểm triết học duy tâm, siêu hình và duy vật tầm thường, ông đã trình bày học thuyết triết học Mác dưới dạng hệ thống lý luận hoàn thiện hơn.

## **2.4. Giai đoạn Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác**

Chủ nghĩa Mác và triết học Mác sau khi trở thành hệ thống lý luận hoàn chỉnh nó đã trực tiếp đi vào đời sống xã hội, trở thành vũ khí lý luận của giai cấp vô sản. Vì thế, nội dung của nó được lan truyền nhanh chóng ở các quốc gia thuộc châu Âu, trong đó có nước Nga. Nhưng sau khi Các Mác và Ph.Ăngghen mất, phong trào cộng sản thế giới có nguy cơ bị những người của phái chủ nghĩa xã hội dân chủ chi phối. Những người này tuyên truyền những luận điểm để bác bỏ những giá trị của chủ nghĩa Mác nói chung và triết học Mác nói riêng. Tình hình đó cũng diễn ra ở nước Nga trong thời cuối của thế kỷ XIX và những năm đầu của thế kỷ XX.

Những năm cuối thế kỷ XIX bước sang thế kỷ XX trong khoa học tự nhiên có những phát minh mới, nhất là việc tìm ra điện tử và cấu tạo của nguyên tử làm đảo lộn căn bản quan niệm vật lý học cổ điển, dẫn tới "cuộc khủng hoảng vật lý". Lợi dụng tình hình đó, chủ nghĩa duy tâm, trong đó có chủ nghĩa Makhơ (duy tâm chủ quan) công kích chủ nghĩa duy vật của Mác. Nước Nga sau khi cuộc cách mạng 1905-1907 thất bại, những người theo chủ nghĩa Makhơ tăng cường hoạt động lý luận, họ viện cớ "bảo vệ chủ nghĩa Mác" để xuyên tạc triết học Mác.

Do vậy, Lênin đã viết hàng loạt các tác phẩm như: "Những người bạn dân là thế nào" và "Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy", "Sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơruve", để vạch trần bản chất phản cách mạng của bọn dân túy Nga và phê phán những luận điểm duy tâm chủ quan về lịch sử của họ. Trong cuộc đấu tranh đó, Lênin đã bảo vệ chủ nghĩa Mác và còn làm phong phú thêm quan điểm duy vật lịch sử, nhất là lý luận về hình thái kinh tế xã hội.

Năm 1900 Lênin viết tác phẩm: "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" để vạch rõ quan điểm duy tâm, siêu hình của những người theo chủ nghĩa Ma Khơ và chỉ rõ tác hại của nó đến phong trào cách mạng ở Nga. Trong tác phẩm, Lênin đã bổ sung và phát triển chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử dựa trên sự phân tích, khái quát những thành tựu khoa học mới nhất. Lênin xây dựng định nghĩa vật chất với tính cách là phạm trù triết học, đồng thời còn làm rõ thêm nhiều vấn đề về lý luận nhận thức mácxít.

Năm 1914-1915, Lênin nghiên cứu nhiều tác phẩm triết học, đặc biệt quan tâm nghiên cứu về phép biện chứng của Hêghen để làm phong phú thêm phép biện chứng duy vật, nhất là lý luận về sự thống nhất và đấu tranh giữa hai mặt đối lập. Thông qua đó, Lênin chuẩn bị lý luận cho cuộc cách mạng 1917. Tinh thần sáng tạo của tư duy biện chứng đã giúp cho Lênin có những đóng góp quan trọng vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác về triết học như: vấn đề về nhà nước, bạo lực cách mạng, chuyên chính vô sản, lý luận về đảng kiểu mới. Lênin đã là tấm gương mẫu mực trong việc bảo vệ và phát triển triết học Mác. Với tinh thần biện chứng duy vật, xem chân lý là cụ thể, có khi Lênin đã phải thay đổi một cách căn bản đối với một quan điểm nào đó của mình về chủ nghĩa xã hội, không chấp nhận mọi thứ biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều. Chính vì vậy mà một giai đoạn mới trong sự phát triển của chủ nghĩa Mác nói chung, triết học Mác nói riêng đã gắn liền với tên tuổi của Lênin và từ đó triết học Mác mang tên triết học Mác - Lênin.

### **2.5. Vận dụng và phát triển triết học Mác - Lênin trong điều kiện thế giới hiện nay**

Đặc điểm của thời đại hiện nay là sự tương tác giữa hai quá trình cách mạng - cách mạng khoa học công nghệ và cách mạng xã hội, đã tạo nên sự biến đổi rất năng động của đời sống xã hội. Trong điều kiện đó, quá trình tạo ra những tiền đề của chủ nghĩa xã hội diễn ra trong các nước tư bản phát triển được đẩy mạnh như một xu hướng khách quan. Sự ra đời của công ty cổ phần từ cuối thế kỷ trước đã được Các Mác xem là "hình thái quá độ từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa" sang "phương thức sản xuất tập thể". Song, hiện thực khách quan đó đã vượt khỏi giới hạn nhận thức chật hẹp của chủ nghĩa giáo điều tồn tại trong một số người. Tính biện chứng của sự tiến hóa xã hội diễn ra trong những mâu thuẫn và thông qua các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản cũng là một trong những nguồn gốc nảy sinh những khuynh hướng sai lầm khác nhau, thậm chí đi tới "xét lại" trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới. Điều này đã được Lênin phân tích, chỉ rõ: Do không nắm vững phép biện chứng duy vật, có những cá nhân hay nhóm người luôn phóng đại khi thì đặc điểm này, khi thì đặc điểm nọ của sự phát triển tư bản chủ nghĩa; khi thì "bài học" này, khi thì "bài học" nọ của sự

phát triển ấy, thành lý thuyết phiên diện, thành một hệ thống sách lược phiên diện.

Sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội làm cho yêu cầu phát triển triết học Mác - Lênin càng trở nên cấp bách. Thực tiễn cuộc đấu tranh bảo vệ thành quả mà chủ nghĩa xã hội đã giành được, nhất là cuộc đấu tranh bảo vệ đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội vượt qua thách thức to lớn hiện nay và tiếp tục tiến lên, đòi hỏi các Đảng cộng sản phải nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng. Trước hết phải thấm nhuần thể giới quan duy vật và phép biện chứng khoa học của nó.

Hiện nay ở các nước do Đảng cộng sản nắm quyền lãnh đạo đang thực hiện quá trình đổi mới đã tạo ra một số thành công và gặp không ít thất bại. Cả sự thành công và thất bại đó đều đòi hỏi phải kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, khắc phục bệnh giáo điều trong việc vận dụng lý luận. Phải biết tổng kết những thành tựu của khoa học hiện đại, khái quát sự phát triển của lịch sử xã hội, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn qua công cuộc đổi mới để bổ sung, hoàn thiện triết học Mác - Lênin. Chúng ta không thể đổi mới thành công nếu xa rời lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, rơi vào chủ nghĩa xét lại.

Như vậy, phát triển lý luận triết học Mác - Lênin và đổi mới chủ nghĩa xã hội trong thực tiễn là một quá trình thống nhất, bởi vì "Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin".

### **3. Thực chất và ý nghĩa của cuộc cách mạng trong triết học do Các Mác và Ph.Ăngghen thực hiện**

#### **3.1. Thực chất**

Sự ra đời triết học Mác tạo nên sự biến đổi có ý nghĩa cách mạng trong lịch sử triết học Mác.

Triết học Mác đã tạo ra hình thức phát triển cao của chủ nghĩa duy vật là chủ nghĩa duy vật biện chứng và hình thức phát triển cao của phép biện chứng là phép biện chứng duy vật. Triết học Mác thực sự khắc phục được sự tách rời thể giới quan duy vật và phép biện chứng trong lịch sử phát triển của triết học. Cổ nhiên, trong chủ

nghĩa duy vật trước Mác đã chứa đựng không ít những luận điểm riêng biệt thể hiện tinh thần biện chứng. Song, do sự hạn chế của điều kiện xã hội và trình độ phát triển của khoa học nên tính siêu hình vẫn là một nhược điểm chung của nó. Do vậy, quan điểm duy vật của những học thuyết đó thường thiếu triệt để. Đây là điểm yếu để chủ nghĩa duy tâm lợi dụng tiến hành đấu tranh chống lại. Còn phép biện chứng lại được phát triển trong cái vỏ bọc duy tâm thần bí tiêu biểu trong triết học của Hêghen.

Cho nên, nội dung của phép biện chứng chưa phản ánh đúng thế giới hiện thực. Các Mác và Ph.Ăngghen đã cải tạo chủ nghĩa duy vật cũ, khắc phục hạn chế siêu hình; cải tạo phép biện chứng, giải thoát khỏi cái vỏ duy tâm. Từ đó khái quát xây dựng một học thuyết triết học mới - chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Trước triết học Mác, có một số học thuyết triết học bàn đến vấn đề xã hội. Song, do hạn chế về thế giới quan hoặc phương pháp luận nên các học thuyết đó mới chỉ nghiên cứu hoặc lĩnh vực này hoặc lĩnh vực kia mà chưa nghiên cứu toàn diện mọi mặt của xã hội. Do vậy không thể nào tìm ra được quy luật phát triển chung của xã hội loài người. Các Mác và Ph.Ăngghen đã vận dụng những lý luận của duy vật biện chứng để nghiên cứu lĩnh vực xã hội, tìm ra các quy luật phát triển chung của xã hội loài người và tiến trình phát triển tất yếu tự nhiên của nó. Từ đó xây dựng, sáng lập ra chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là bộ phận của triết học Mác. Chủ nghĩa duy vật lịch sử là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Đó là một cuộc cách mạng thực sự trong triết học. Từ khi chủ nghĩa duy vật lịch sử ra đời đã loại bỏ được cơ sở tồn tại cuối cùng của chủ nghĩa duy tâm.

Những học thuyết triết học trước triết học Mác thường mới dừng lại ở việc giải thích thế giới, cho nên họ chưa đề cập đến vai trò của hoạt động thực tiễn đối với lý luận, lý luận thường tách rời với thực tiễn. Do vậy, không tránh khỏi tình trạng rơi vào quan điểm duy tâm về xã hội. Ngay cả ở trong triết học Phoiơbắc tuy coi vấn đề con người là trung tâm thế nhưng đây chỉ mới là con người thuần túy về mặt sinh vật, chưa phải con người với tính cách là chủ thể hoạt động cải tạo thế giới. Còn triết học Mác đã xác định rõ: Nhiệm vụ của mình không chỉ dừng lại ở giải thích thế giới mà chủ yếu là tìm ra các phương tiện, các biện pháp để cải tạo thế giới bằng cách

mạng. Triết học Mác thường lấy hoạt động thực tiễn cải tạo xã hội, cải tạo thế giới của con người là điểm xuất phát và thông qua quá trình hoạt động thực tiễn để hoàn thiện hệ thống lý luận của mình. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử triết học, triết học Mác đã tạo ra được sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn. Lý luận xuất phát từ thực tiễn, chịu sự quyết định của thực tiễn; khi ra đời, lý luận định hướng hoạt động thực tiễn. Vì thế, so với các học thuyết triết học khác thì triết học Mác luôn luôn được bổ sung và hoàn thiện.

### **3.2. Ý nghĩa của cuộc cách mạng trong triết học do Các Mác và Ph.Ăngghen thực hiện**

Nhờ sự ra đời của triết học Mác mà vai trò xã hội cũng như vị trí của triết học trong hệ thống tri thức khoa học và đối tượng triết học có thay đổi căn bản.

Khi ra đời triết học Mác đã trở thành thế giới quan khoa học của giai cấp vô sản, giai cấp vô sản có cơ sở lý luận khoa học để nhận thức thực tiễn xã hội; từ đó định ra được đường lối chiến lược và đề ra những biện pháp đấu tranh cải biến xã hội có hiệu quả. Sự kết hợp giữa lý luận triết học Mác với phong trào vô sản đã tạo nên bước chuyển biến về chất của phong trào từ trình độ tự phát lên tự giác. Triết học Mác còn là vũ khí tư tưởng để đấu tranh chống lại hệ tư tưởng tư sản, chủ nghĩa xét lại, cơ hội và chủ nghĩa giáo điều, góp phần quan trọng tạo ra sự thống nhất của phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản.

Triết học Mác cũng đã chấm dứt tham vọng ở nhiều triết học coi triết học là "khoa học của mọi khoa học" đứng trên mọi khoa học, Các Mác và Ph.Ăngghen đã xây dựng lý luận triết học của mình trên cơ sở khái quát các thành tựu của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Đến lượt mình, triết học Mác ra đời đã trở thành thế giới quan khoa học và phương pháp luận chung định hướng sự phát triển của các khoa học và phương pháp luận chung định hướng sự phát triển của các khoa học. Sự phát triển của khoa học ngày càng chứng tỏ sự cần thiết phải có tư duy biện chứng duy vật và ngược lại, phải phát triển lý luận triết học Mác dựa trên những thành tựu của khoa học hiện đại. Như vậy, triết học Mác đã phân định rõ ranh giới giữa triết học với các khoa học khác và thiết lập được mối quan hệ chặt

## Đề tài: Triết học Mác – Lênin

---

chế giữa chúng, cũng như xác định rõ đối tượng nghiên cứu của triết học là tìm ra quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.

## KẾT LUẬN

Triết học Mác ra đời là một bước ngoặt có ý nghĩa cách mạng trong lịch sử triết học nhân loại. Toàn bộ hệ thống triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện đã chứng minh một cách bản chất sinh động giá trị lý luận và thực tiễn lớn lao của học thuyết Mác. Lênin nói chủ nghĩa Mác là sự phát triển cao nhất của toàn bộ khoa học lịch sử, khoa học kinh tế và triết ở Châu Âu.;

Tóm lại, khi sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, triết học Mác đã góp phần vạch ra những qui luật vận động chung nhất của giới tự nhiên, xã hội và tư duy con người. Nhờ khắc phục được những thiếu sót cơ bản của triết học duy vật cũ mà triết học Mác đã trang bị cho giai cấp vô sản và quần chúng lao động công cụ khoa học để nhận thức và cải tạo thế giới.

Sự xuất hiện triết học Mác là bước chuyển cách mạng trong lịch sử triết học, nó không phải là một sản phẩm ngẫu nhiên mà là một hiện tượng hợp qui luật. Triết học Mác là kết quả nảy sinh tất yếu từ những tiền đề kinh tế - xã hội, từ sự kế thừa có chọn lọc những di sản văn hóa và khoa học của nhân loại, từ kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản. Triết học Mác thực sự là thế giới quan khoa học, là phương pháp luận cách mạng của giai cấp vô sản.



## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình Triết học Mác - Lênin, NXB - CTQG, 2005.
2. Giáo trình Đại cương lịch sử triết học, TS Nguyễn Ngọc Thu – TS Bùi Văn Mưa, NXB tổng hợp TP. HCM, 2003.
3. Triết học. Tập I, II, III dùng cho Nghiên cứu sinh và Cao học không thuộc chuyên ngành triết học, Bộ GD-ĐT, 1999.
4. Và một số tài liệu triết học Mác trên Internet và trên diễn đàn cao học kinh tế Việt Nam.